

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2025/DS-ST
Ngày 27-3-2025
V/v tranh chấp về hợp đồng tín
dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Văn Siêng
2. Ông Nguyễn Hữu Tổ
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 458/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc Tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ: Số nhà B, Đường N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Đức T, địa chỉ: Số nhà B, Đường N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 481/2024/QĐ-TGD ngày 05/01/2024 của Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần S). (Đề nghị xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Ngô Minh N, sinh năm 1997, địa chỉ: Số nhà C, Đường N, Tổ D, Khu phố C, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/01/2020, ông Ngô Minh N có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, gọi chung là hợp đồng), hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 22.100.000 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Ông N phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 14.090.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/12/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 22.857.575 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Tính đến ngày 27/3/2025, ông N còn nợ các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao kê tóm tắt đính kèm): Nợ gốc 22.857.575 đồng, lãi quá hạn 35.390.565 đồng, tổng cộng 58.248.140 đồng. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 22.857.575 đồng với lãi suất quá hạn là 3.9%/ tháng (2.6% x 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông N, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời

Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Nay Ngân hàng yêu cầu:

- Ông Ngô Minh N phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/3/2025 là 58.248.140 đồng. Trong đó: Nợ gốc 22.857.575 đồng, lãi quá hạn 35.390.565 đồng.

- Ông Ngô Minh N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/3/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- *Tại Bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn ông N trình bày:* Ngày 10/01/2020, ông đã đề nghị phía Ngân hàng S cấp thẻ tín dụng hạn mức 30.000.000 đồng, để sử dụng cho mục đích trang trải học phí, sinh hoạt phí trong khoảng thời gian học tập tại Thành phố Hồ Chí Minh. Được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức 22.500.000 đồng. Ông đã sử dụng số tiền trên và đóng lãi đầy đủ từ lúc còn ở Thành phố Hồ Chí Minh. Và sau khi về Bình Định được một năm (năm 2022) thì dừng đóng lãi vì hoàn cảnh gia đình khó khăn khó khăn, không còn khả năng chi trả (ảnh hưởng từ đại dịch Covid 19). Nay ông xin Ngân hàng cho ông được trả dần tiền gốc và xin số tiền lãi. Ý kiến trình bày và yêu cầu của Ngân hàng ông hoàn toàn thống nhất và cũng không có ý kiến, tranh chấp gì về số tiền gốc, lãi mà Ngân hàng đã tính đến ngày 27/3/2025.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông N trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi 58.248.140 đồng. Ông N phải tiếp tục thanh toán lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất qui định tại hợp đồng. Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là tổ chức tín dụng yêu cầu bị đơn trả tiền gốc, lãi đã vay nên theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn cư trú tại phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Theo hồ sơ của Ngân hàng và sự thừa nhận của ông N, xác định việc vay tiền, trả nợ, số tiền vay, số tiền gốc, lãi mà ông N còn nợ như nguyên đơn kê khai là đúng. Ông N cũng không có ý kiến tranh chấp gì về số tiền, cách tính lãi, số tiền gốc, lãi mà Ngân hàng đã tính nên xác định số tiền ông N còn nợ theo kê

khai của Ngân hàng. Ông N không thực hiện trả gốc, lãi đúng hạn như đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ đối với bên cho vay, Ngân hàng chuyển nợ quá hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên. Thời gian qua, ông N cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N trả tiền gốc, lãi là có căn cứ, đúng qui định của pháp luật nên yêu cầu này được chấp nhận.

[4] Ông N đề nghị Ngân hàng cho ông thanh toán từng tháng và xin tiền lãi nhưng không được Ngân hàng đồng ý và không phù hợp với qui định của pháp luật nên yêu cầu này không được chấp nhận. Buộc ông N phải thanh toán tiền gốc 22.857.575 đồng và tiền lãi 35.390.565 đồng (tính đến ngày 27/3/2025) cho Ngân hàng. Ông N chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận.

[5] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $58.248.140 \text{ đồng} \times 5\% = 2.912.407 \text{ đồng}$.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là đúng qui định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 91, 94, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Buộc ông Ngô Minh N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 58.248.140 đồng (Năm mươi tám triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn một trăm bốn mươi đồng). Trong đó, tiền gốc là 22.857.575 đồng và tiền lãi là 35.390.565 đồng (tính đến ngày 27/3/2025).

2. Về án phí và tiền tạm ứng án phí:

- Ông Ngô Minh N phải chịu 2.912.407 đồng (Hai triệu chín trăm mười hai nghìn bốn trăm lẻ bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 1.123.396 đồng (Một triệu một trăm hai mươi ba nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng), đã nộp theo

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012961 ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng